



NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

Đối tượng áp dụng: Khóa tuyển sinh 2018

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHVH ngày tháng năm 201

Ngành: **KHOA HỌC CÂY TRỒNG**
 Chuyên ngành: **KHOA HỌC CÂY TRỒNG**
 Mã số ngành: **7620110**

Số tín chỉ tích lũy: **133**

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	
			Tổng	LT
I. GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG			49	49
Phần bắt buộc			49	49
I.1. Các học phần về lý luận chính trị và pháp luật			13	13
1	POL102	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 1	2	2
2	POL103	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 2	3	3
3	POL101	Đường lối cách mạng của Đảng CSVN	3	3
4	POL104	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2
5	LAW101	Pháp luật đại cương	3	3
I.2. Các học phần về khoa học tự nhiên, môi trường			9	9
1	BIO101	Sinh học thực vật	3	3
2	NAS203	Thống kê ứng dụng	3	3
3	NAS101	Môi trường và con người	3	3
I.3. Các học phần về kinh tế, quản lý và quản trị đại cương			3	3
1	BUS101	Tinh thần khởi nghiệp	3	3
I.4. Các học phần về khoa học xã hội, nhân văn và đa văn hóa			6	6
1	SOS102	Văn Hiến Việt Nam	3	3
2	SOS101	Kinh tế, văn hóa, xã hội ASEAN	3	3
I.5. Các học phần về tổ chức cá nhân chung			3	3
1	SKL101	Phương pháp học đại học	3	3
Phần tự chọn			15	15
		(Chọn 3 trong 7 học phần)	9	9
1	INT201	Đại cương về Công nghệ thông tin và Truyền thông	9	3
2	SOS204	Các vấn đề xã hội đương đại		3
3	SOS205	Giao tiếp đa văn hóa		3
4	ECO201	Kinh tế học đại cương		3
5	SKL202	Kỹ năng hành chính văn phòng		3
6	MAR201	Marketing căn bản		3
7	MAN201	Quản trị học		3
		(Chọn 1 trong 4 học phần)	3	3
1	ENG201	Tiếng Anh giao tiếp 1	3	3
2	CHI203	Tiếng Trung giao tiếp 1		
3	JAP201	Tiếng Nhật giao tiếp 1		
4	KOR201	Tiếng Hàn giao tiếp 1		
		(Chọn 1 trong 4 học phần)	3	3
1	ENG202	Tiếng Anh giao tiếp 2		

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	
2	CHI202	Tiếng Trung giao tiếp 2	3	3
3	JAP202	Tiếng Nhật giao tiếp 2		
4	KOR202	Tiếng Hàn giao tiếp 2		
II. GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP			84	48
II.1. Các học phần cơ sở ngành			22	21
1	BIO301	Di truyền học đại cương	3	3
2	BIO302	Sinh hóa đại cương	3	3
3	BIO304	Đa dạng sinh học	3	3
4	BIO310	Phương pháp nghiên cứu, thống kê sinh học	2	2
5	CRS306	Công nghệ sinh học trong trồng trọt	2	2
6	CRS303	Khoa học đất đại cương	2	2
7	CRS305	Kinh tế nông nghiệp	2	2
8	CRS307	Nhập môn ngành KHCT	2	2
9	CRS302	Sinh lý thực vật	2	2
10	CRS308	Thực hành Sinh lý thực vật	1	
II.2. Các học phần chuyên ngành			45	27
II.2a. Phần bắt buộc			39	22
1	CRS401	Trải nghiệm ngành, nghề 1	1	
2	CRS402	Trải nghiệm ngành, nghề 2	2	
3	CRS403	Kiến tập nghề nghiệp	1	
4	CRS426	Tiếng Anh chuyên ngành KHCT	3	3
5	CRS404	Báo cáo chuyên đề thực tiễn nghề nghiệp của các DN	1	1
6	CRS405	Dinh dưỡng cây trồng	2	2
7	CRS427	Thực hành Dinh dưỡng cây trồng	1	
8	CRS406	Hóa bảo vệ thực vật	2	2
9	CRS407	Chọn và nhân giống cây trồng	1	1
10	CRS428	Thực hành Chọn và nhân giống cây trồng	1	
11	CRS408	Đất trồng, phân bón	1	1
12	CRS429	Thực hành Đất trồng, phân bón	1	
13	CRS409	Bệnh cây	2	2
14	CRS430	Thực hành Bệnh cây	1	
15	CRS410	Côn trùng	2	2
16	CRS431	Thực hành Côn trùng	1	
17	CRS411	Cỏ dại	1	1
18	CRS432	Thực hành Cỏ dại	1	
19	CRS412	Cây ăn quả	1	1
20	CRS433	Thực hành Cây ăn quả	1	
21	CRS413	Cây lương thực	1	1
22	CRS434	Thực hành Cây lương thực	1	
23	CRS414	Cây rau	2	2
24	CRS435	Thực hành Cây rau	1	
25	CRS415	Hoa và cây kiểng	1	1
26	CRS436	Thực hành Hoa và cây kiểng	1	
27	CRS416	Cây công nghiệp	2	2
28	CRS437	Thực hành Cây công nghiệp	1	

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	
29	CRS417	Thực tập giáo trình	2	
II.2b. Phần tự chọn			6	5
		<i>(Chọn 3 trong 6 học phần)</i>		
1	CRS420	Hệ thống canh tác	2	2
2	CRS421	Bảo quản sau thu hoạch		2
3	CRS422	GAP	2	2
4	CRS423	Vì sinh vật nông nghiệp		2
5	CRS424	Cây dược liệu	2	2
6	CRS425	Sản xuất nấm		2
II.3. Các học phần tốt nghiệp			17	0
1	CRS501	Thực tập tốt nghiệp KHCT	5	
2	CRS502	Khóa luận tốt nghiệp KHCT		12
Các học phần thay thế Khóa luận tốt nghiệp (chọn 4 cặp HP)				
1	CRS438	Chuyên đề sinh lý thực vật ứng dụng trong sản xuất nông nghiệp	2	2
2	CRS439	TH Chuyên đề sinh lý thực vật ứng dụng trong sản xuất nông nghiệp	1	
3	CRS440	Chuyên đề giống trong sản xuất cây trồng bền vững	2	2
4	CRS441	TH Chuyên đề giống trong sản xuất cây trồng bền vững	1	
5	CRS442	Chuyên đề ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp	2	2
6	CRS443	TH Chuyên đề ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp	1	
7	CRS444	Chuyên đề đất trồng, phân bón trong sản xuất nông nghiệp	2	2
8	CRS445	TH Chuyên đề đất trồng, phân bón trong sản xuất nông nghiệp	1	
9	CRS446	Chuyên đề quản lý dịch hại trong sản xuất nông nghiệp	2	2
10	CRS447	TH Chuyên đề quản lý dịch hại trong sản xuất nông nghiệp	1	
III. HỌC PHẦN KHÔNG TÍCH LŨY				
1	DEE104	Giáo dục quốc phòng	8	8
2	PHT101	Giáo dục thể chất 1	1	
3	PHT102	Giáo dục thể chất 2	1	
4	PHT103	Giáo dục thể chất 3	1	
5		Kỹ năng mềm	4	4
6		Ngoại ngữ chuẩn đầu ra		
7		Tin học chuẩn đầu ra		

KHOA NÔNG NGHIỆP

HIỆU TRƯỞNG

[illegible]

[illegible]

				Mã HP
	2			
1	0	0	0	
0	17	0	0	
	5			
	12			
1				
1				
1				
1				
1				
1				
1				
1				
1				
1				